

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VĨNH YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST

Ngày 08 - 5 - 2024

V/v “*Tranh chấp về ly hôn và con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Kim Dung và bà Nguyễn Thị Thanh Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ý Tường - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Phan Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 314/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phùng Thị H, sinh năm 1985 (có mặt);

Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Đều có địa chỉ: Số nhà 178, tổ dân phố Lê 2, phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 18 tháng 10 năm 2023 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Phùng Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn ngày 03 tháng 02 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân phường Hội Hợp, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn, hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, chị về làm dâu và sống chung với gia đình anh T. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc sau đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T chơi bời, cờ bạc, nợ nần nhiều, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày. Mặc dù hai bên gia đình nhiều lần tìm cách giải quyết để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không thành. Từ giữa tháng 6 năm 2023 đến nay, vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng nên chị về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Phạm Tiến D, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2007, cháu Phạm Thế S, sinh ngày 26/8/2010 và cháu Phạm Thế M, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2016, hiện cháu D và cháu M đang ở với chị H còn cháu S đang ở với anh T và mẹ đẻ anh T. Ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi cháu D và cháu M, để anh uyển nuôi cháu S, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Phạm Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt nên không có lời khai của anh T và không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã lấy lời khai của anh Phạm Văn H là anh trai của anh T xác định chị H và anh T đã xảy ra mâu thuẫn, về nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H sau khi đi làm tiếp thị thì anh T ghen tuông nên vợ chồng có mâu thuẫn với nhau. Khoảng tháng 6/2023 đến nay, chị H về nhà bố mẹ đẻ ở, anh T đi làm ăn nhưng vẫn về nhà.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phùng Thị H, xử cho chị Phùng Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn T; Xử về con chung: Giao cháu Phạm Tiến D, cháu Phạm Thế M cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Phạm Thế S cho anh Phạm Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; về tài sản, công nợ, công sức: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Phạm Văn T đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án làm việc nên trong hồ sơ không có lời khai của anh T và

không tiến hành hòa giải được theo quy định của pháp luật. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng, quyết định xét xử theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa anh T vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày, mặt khác anh T chơi bời, cờ bạc nợ nần dẫn đến vợ chồng cãi cọ nhau, vợ chồng sống ly thân chấm dứt quan hệ tình cảm từ giữa tháng 6 năm 2023 cho đến nay. Anh T biết việc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên giải quyết việc ly hôn giữa chị H với anh nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc, điều đó thể hiện việc mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, anh T không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H cho chị H được ly hôn với anh T.

[3]. Về con chung: Chị H, anh T có 03 con chung là cháu Phạm Tiến D, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2007, cháu Phạm Thế S, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2010 và cháu Phạm Thế M, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2016. Hiện nay cháu D và cháu M đang ở với chị H, còn cháu S đang ở với anh T và mẹ anh T.

Ly hôn, chị H xin được nuôi cháu D và cháu M, để anh T nuôi cháu S, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về nguyện vọng của cháu D và cháu M đều xin được ở với chị H, còn cháu S có nguyện vọng ở với anh T. Do đó để đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu được tốt nhất nên giao cháu D và cháu M cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu S cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên vấn đề cấp dưỡng Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

Về án phí: Chị Phùng Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, 57, 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho chị Phùng Thị H được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Phạm Tiến D, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2007 và cháu cháu Phạm Thế M, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2016 cho chị Phùng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục.

2.2. Giao cháu Phạm Thế S, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2010 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Phùng Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005605 ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phùng Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Phạm Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- UBND phường Hội Hợp;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đường

